

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 546/2026/DS-PT
Ngày: 04 - 6 - 2026
V/v tranh chấp di sản thừa kế
theo di chúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Minh Trang

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 463/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế theo di chúc*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 197/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 609/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1965. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (nay là phường Ô, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Châu Chí C**, sinh năm 1982, địa chỉ: khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ; Ông **Trần Chí D1**, sinh năm 1986, địa chỉ: Khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ; Bà **Nguyễn Thị Kiều T**, sinh năm 1986, địa chỉ Tổ A, ấp B, xã V, tỉnh An Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 25/3/2025). (Ông D1 có mặt; ông C và bà T vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1962. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số D L, Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ (nay là phường Ô, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo uỷ quyền: bà **Lê Thị C1**, sinh năm 1959, địa chỉ: Khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ. (Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 14/4/2025). (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1955. (Có mặt).

Địa chỉ: Số C L, Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ (nay là phường Ô, thành phố Cần Thơ).

3.2. Ông **Nguyễn Tấn T1**, sinh năm 1957. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A L, Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ (nay là phường Ô, thành phố Cần Thơ).

3.3. Bà **Ngô Thị Thu V**, sinh năm 1950. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ).

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-DS ngày 13/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà là con của ông Nguyễn Văn C2 và bà Đỗ Thị B (mất ngày 05/5/2004), trước khi qua đời thì cha bà D có lập di chúc ngày 10/7/2012, đã được chứng thực hợp pháp tại UBND phường C, quận Ô, theo đó cha bà để lại 1 thửa ruộng cho bà để dùng huê lợi vào việc đám tang, xây mồ mả cho cha; còn 01 thửa lớn là thửa 177 thì chia làm 03 phần cho 03 chị em là Nguyễn Tấn P, Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thị H.

Sau khi cha bà qua đời vào ngày 04/5/2013, do điều kiện khó khăn nên ông không làm thủ tục thừa kế được, tất cả đất đai, giấy tờ đất, di chúc đều do bà trực tiếp quản lý, không ai tranh chấp.

Đến nay, do tuổi các anh chị em cũng già nên để làm giấy tờ phân chia ổn định về lâu dài nên bà có liên hệ với các anh chị em để làm thủ tục phân chia, bà H

thì đồng ý thực hiện theo di chúc nhưng còn anh là Nguyễn Tấn P thì nại nhiều lý do tránh mặt, không tham gia thực hiện hồ sơ thủ tục để chia thừa kế như di chúc cha bà để lại mà cũng không nói lý do gì chính đáng.

Xét thấy việc ông Nguyễn Tấn P không tham gia thực hiện hồ sơ thủ tục để chia thừa kế như di chúc cha bà để lại cho chị em bà theo đúng quy định pháp luật sẽ gây ra nguy cơ thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của bà về lâu dài.

1. Yêu cầu tuyên bố di chúc được lập ngày 10/7/2012 của ông Nguyễn Văn C2 là hợp pháp và có hiệu lực kể từ ngày 05/5/2013.

2. Yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc được lập ngày 10/7/2012 của ông Nguyễn Văn C2, cụ thể chia bà Nguyễn Thanh D, sinh năm 1965, được nhận 1/3 diện tích đất, tương đương 2.819m² đất thuộc thửa đất số 177 theo Giấy CNQSDĐ số BĐ077467 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn C2 ngày 29/8/2011 (gọi tắt là thửa 177) và toàn bộ thửa đất 1019 theo Giấy CNQSDĐ số BĐ077467 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn C2 ngày 29/8/2011 (gọi tắt là thửa 1019).

Về tài sản là các cây xoài trên đất gồm 97 cây do ông T1 trồng, nguyên đơn thống nhất sẽ mua lại các cây xoài với giá 45.000.000 đồng.

Đối với việc ông P, ông T1 đã tự chuyển nhượng một phần thửa đất 177 cho bà Ngô Thị Thu V thì nguyên đơn có ý kiến nếu bà V có yêu cầu công nhận, tách thửa thì nguyên đơn thống nhất giao bà V là 2.819m². Còn nếu bà V không mua đất nữa thì nguyên đơn sẽ trả lại cho bà V số tiền 210.000.000 đồng và yêu cầu được nhận phần diện tích mà bà V đã mua. Còn bà V không đồng ý thì đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu việc mua bán đất giữa ông T1, ông P với bà V.

- *Bị đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày:*

Vào ngày 10/7/2012 cha ông là ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1925 (Chết ngày 21/02/2013) có lập di chúc để lại tài sản cho 03 người con gồm:

1/ Nguyễn Tấn P, Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thị H được chia đều phần đất diện tích 9.190,3m² - thửa 177, tờ bản đồ số 04 (loại 2L) - Giấy CN QSDĐ số CH00531 do UBND huyện C cấp ngày 29/8/2011. Đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

2/ Phần đất diện tích 1.575m² - thửa 1019, tờ bản đồ số 04 (loại 2L) - Giấy CN QSDĐ số CH00530 do UBND huyện C cấp ngày 29/8/2011. Đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ sẽ giao lại cho bà Nguyễn Thanh D sử dụng

để lo việc đám tang và xây mồ mả chôn cất cha ông. Các con còn lại không được quyền tranh chấp hay ngăn cản.

Phần đất diện tích 9.190,3m² thuộc thửa 177 cha ông chỉ chia cho 03 người con mà không chia cho đứa em thứ 7 là ông Nguyễn Tấn T1, người ở chung với cha ông nên ông đã làm đơn gửi đến xã Đ để nhờ giải quyết. Sau khi tiếp nhận đơn thì cán bộ xã Đ đã chia phần đất thửa 177 ra làm bốn phần thay vì 03 phần theo di chúc (Thời điểm đó bà Nguyễn Thanh D đồng ý) và bà Nguyễn Thanh D đã nhận phần đất được chia là 2.297,6m².

Riêng phần đất 1.575m² của thửa 1019 theo di chúc thì bà Nguyễn Thanh D phải có trách nhiệm lo việc đám tang và xây mồ mả chôn cất cha ông. Tuy nhiên khi cha ông chết thì bà Nguyễn Thanh D không lo, nên em thứ chín của ông là ông Nguyễn Thanh D2 ở nước ngoài (Úc) đã lo toàn bộ đám tang cũng như lo mồ mả cho cha mẹ ông, còn đất thì để trống không ai quản lý.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn có ý kiến như sau:

- Đối với yêu cầu chia thửa 1019 của nguyên đơn theo di chúc thì bị đơn thống nhất thực hiện theo di chúc lập ngày 10/7/2012 của ông Nguyễn Văn C2. Nhưng khi bà Nguyễn Thanh D nhận thửa 1019 thì phải dùng vào việc lo mồ mả cho ông bà vì đây tài sản do ông bà để lại. Hoặc nếu sau này bà D có sang bán thửa 1019 thì phải dùng số tiền bán được vào việc chăm lo mồ mả cho ông bà.

- Đối với yêu cầu chia thửa 177, thì trước đây ông P với ông T1, bà H, bà D đã chia thửa 177 làm bốn phần, sau đó ông với ông T1 đã bán 02 phần cho bà Ngô Thị Thu V với giá 210.000.000 đồng, với diện tích là 3.900m² (03 công tầm lớn). Nên nay nếu bà V có yêu cầu tách thửa đất thì bị đơn thống nhất và thống nhất phần còn của thửa 177 sẽ giao cho bà D, bà H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H trình bày; Bà là con của ông Nguyễn Văn C2 (mất ngày 04/5/2013) và bà Đỗ Thị B (mất ngày 05/5/2004), trước khi qua đời thì cha ông có lập di chúc ngày 10/7/2012, theo đó cha bà để lại 01 thửa ruộng cho bà Nguyễn Thanh D để dùng huê lợi vào việc đám tang, xây mồ mả cho cha; còn 01 thửa lớn thì chia làm 03 phần cho 03 chị em bà là Nguyễn Tấn P, Nguyễn Thanh D và bà. Việc cha bà để lại di chúc thì tất cả anh chị em trong gia đình đều biết rõ và không có ai tranh chấp vì đây là tài sản của riêng cha bà chứ không phải là tài sản chung của hộ gia đình.

Sau khi cha bà qua đời vào ngày 04/5/2013, do điều kiện khó khăn nên không làm thủ tục thừa kế được và không ai tranh chấp. Thống nhất với trích đo bản đồ địa chính số 05 ngày 05/9/2025.

- Yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố di chúc được lập ngày 10/7/2012 của ông Nguyễn Văn C2 là hợp pháp và có hiệu lực kể từ ngày 05/5/2013.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc được lập ngày 10/7/2012 của ông Nguyễn Văn C2, cụ thể thống nhất chia thừa 177, bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật là diện tích 2.819m². Và chia cho bà Nguyễn Thanh D toàn bộ thừa 1019.

- Đối với việc ông P, ông T1 đã tự chuyển nhượng một phần thừa 177 là 3.900m² cho bà Ngô Thị Thu V thì không có ý kiến.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T1 trình bày:*

Cha mẹ ông có 09 người con là Nguyễn Văn N (đã mất), Nguyễn Chí H1 (đang sinh sống ở Úc), Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L (đã mất), Nguyễn Tấn P, Nguyễn Tấn T1, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thành D3 (đang sinh sống ở Úc), Nguyễn Thị T3 (đang sinh sống ở Úc).

Sau năm 1975 thì mẹ ông Đỗ Thị B cùng anh ông Nguyễn Chí H1, chị là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành D3, Nguyễn Thị T3 đã vượt biên định cư ở Úc.

Gia đình còn lại 05 anh em là Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Tấn P, Nguyễn Tấn T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thanh D ở Việt Nam và đã có gia đình sống tự riêng, chỉ còn ông Nguyễn Tấn T1 là con trai út trong gia đình, nên sống chung với cha ông là ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1925 (đã chết).

Lúc cha mẹ còn sống thì cha ông có sở hữu sử dụng phần đất ruộng, diện tích 9.190,3m², tại thửa 177, tờ bản đồ số 04, loại đất lúa (2L), đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH00531, ngày 29/8/2011, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ do cha ông Nguyễn Văn C2 đứng tên.

Đến năm 2000 thì mẹ ông về Việt Nam thăm gia đình, do đó cha mẹ ông có họp lại 05 anh em còn sinh sống tại Việt Nam để thỏa thuận đồng ý anh Nguyễn Tấn P sẽ ở nhà thờ để phụng dưỡng cha già và lo đám giỗ sau này, còn phần ruộng ở xã Đ thì giao cho ông sử dụng và tất cả anh em đều đồng ý. Và ông cũng có hứa trước mặt cha mẹ và anh em là số đất này ông sẽ chia cho Nguyễn Thị H, Nguyễn Thanh D, mỗi người được 01 công đất. Đến khi cha ông mất ngày 21/02/2013 thì cháu con anh thứ hai là Nguyễn Thanh P1 mượn từ trước, ông vẫn để cho mượn và 100 gia

lúa mỗi năm này ông chia cho Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thị H thì 02 người được nhận 50 gia lúa, còn ông nhận 50 gia. Chỉ là lời nói miệng mà anh em trong gia đình đều biết rõ chứ không có giấy tờ.

Vài tháng sau khi cha ông qua đời, thì chị H và em D lại phát đơn kiện thừa ông ở UBND xã Đ, buộc ông phải chia cho mỗi người 1,5 công ruộng của thửa 177, tờ bản đồ số 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C100531, do UBND huyện C cấp ngày 29/8/2011, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ do cha ông Nguyễn Văn C2 đứng tên và đưa ra di chúc cha ông lập lúc 87 tuổi năm 2012 trong khi lúc này tinh thần cha ông không còn minh mẫn sáng suốt, nên khi UBND xã Đ mời đến giải quyết vào năm 2013 thì ông cũng đã đồng ý cắt chia cho mỗi người 1,5 công đất xong, số đất này thì hai người là H và D đã bỏ hoang cho đến nay. Còn phần đất của ông và đất của ông Nguyễn Tấn P cho ông, ông đã bán số đất của ông và ông P cho chị dâu thứ hai của ông (vợ ông Nguyễn Văn N), nên đất của thửa 177 này ông không còn.

- Còn phần đất diện tích 1.575m² thửa 1019, tờ bản đồ 04 đất 2L, giấy chứng nhận QSD đất số CH00530, do UBND huyện C cấp ngày 29/8/2011, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ do cha ông đứng tên, thì lúc sinh tiền cha ông có nói là đất này không chia cho ai cả, chỉ để lại sau này bán mà lấy tiền lo mồ mả nhà thờ cho cha mẹ ông, nên sau đó ông đã trồng xoài để lấy hoa lợi cho gia đình ông.

- Đối với yêu cầu chia thửa 1019 của nguyên đơn theo di chúc thì bị đơn thống nhất thực hiện theo di chúc lập ngày 10/7/2012 của ông Nguyễn Văn C2. Nhưng khi bà Nguyễn Thanh D nhận thửa 1019 thì phải dùng vào việc lo mồ mả cho ông bà vì đây tài sản do ông bà để lại. Hoặc nếu sau này bà D có sang bán thửa 1019 thì phải dùng số tiền bán được vào việc chăm lo mồ mả cho ông bà.

- Đối với yêu cầu chia thửa 177, thì trước đây ông với ông P, bà H, bà D đã chia thửa 177 làm bốn phần, sau đó ông với ông P đã bán 02 phần cho bà Ngô Thị Thu V với giá 210.000.000 đồng, với diện tích là 3.900m² (03 công tầm lớn). Nên nay, nếu bà V có yêu cầu tách thửa đất thì ông thống nhất và thống nhất phần còn lại của thửa 177 sẽ giao cho bà D, bà H được nhận.

Về 97 cây xoài trên đất, trước đây ông là người trồng nên nay nếu bà D nhận thửa 1019 thì các cây xoài trên đất do ông trồng thì bà D phải trả lại ông số tiền 45.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thu V trình bày:*

Trước đây năm 2015 bà có nhận chuyển nhượng mua một phần thửa 177 của

ông P, ông T1 với diện tích là 3.900m² (03 công tâm lớn) với giá 210.000.000 đồng, do là anh em trong gia đình nên không có lập hợp đồng chuyển nhượng có công chứng chứng thực mà chỉ lập giấy mua bán viết tay.

Sở dĩ bà mua của ông P, ông T1 là nghĩ đất của gia đình thì ông T1, ông P có quyền bán nên bà mua, hiện bà đang quản lý, sử dụng đất từ năm 2015 đến nay và đang trồng lúa trên đất.

Đối với việc nguyên đơn đề nghị mua lại 3.900m² với giá 210.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Còn tên chị Hai N2 trong giấy tay mua bán vì chồng bà tên N2, là thứ hai trong gia đình cũng là anh thứ hai của ông P, ông T1, bà D, bà H nên ông P, ông T1 gọi là chị Hai N2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 197/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh D và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H:

Tuyên bố di chúc ngày 10/7/2012 của ông Nguyễn Văn C2 hợp pháp và chia thừa kế theo di chúc như sau:

- Bà D được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất thửa 1019 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ077467 do Ủy ban Nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn C2 ngày 29/8/2011. Bà D có nghĩa vụ thanh toán cho ông T1 giá trị cây trồng trên đất là 45.000.000 đồng.

- Bà D được nhận 2.819m² thuộc thửa đất 177 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C100531, do UBND huyện C cấp ngày 29/8/2011, vị trí B của sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất).

- Bà H được nhận 2.819m² thuộc thửa 177 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C100531, do UBND huyện C cấp ngày 29/8/2011, vị trí C của sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị Thu V: Công nhận một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2015 giữa bà V với ông P, tuyên bố vô hiệu một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2015 giữ bà V với ông T1, cụ thể:

- Bà V được nhận một phần thửa đất 177 có diện tích 2.819m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C100531, do UBND huyện C cấp ngày 29/8/2011, vị trí A của sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất).

- Ông T1 có nghĩa vụ trả lại bà V số tiền 76.090.000 đồng (bảy mươi sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Kể từ khi bà V có đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1 không thanh toán số tiền trên thì ông T1 phải chịu lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Ngoài ra bản án có tuyên về quyền kháng cáo, chi phí tố tụng và tiền án phí.

Ngày 13/10/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-DS ngày 13/10/2025 kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 197/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm vì phần đất nguyên đơn đã được chia theo di chúc của ông Nguyễn Văn C2. Bà B vợ của ông C2 cùng những người con gồm Nguyễn Chí H1, chị là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành D3, Nguyễn Thị T3 đã vượt biên đi nước ngoài từ lâu khoảng hơn ba chục năm rồi, không có về Việt Nam. Phần đất ông C2 chỉ chia cho bà D, ông P và bà H nhưng những người này đã thống nhất chia lại cho ông T1 một phần vì ông T1 là người chăm sóc, nuôi dưỡng ông C2 lúc tuổi già.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Mẹ bà là bà B cùng Nguyễn Chí H1, chị là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành D3, Nguyễn Thị T3 đi qua Úc từ khoảng năm 1977, sau giải phóng miền N 02 năm. Hiện tại không có về Việt Nam, cũng không biết địa chỉ, thỉnh thoảng mẹ bà có về Việt Nam. Năm 2004 mẹ bà chết, các anh chị em không về, thỉnh thoảng có liên lạc qua điện thoại. Phần đất là của cha bà ông Nguyễn Văn C2 có từ trước khi mẹ bà đi nước ngoài nhưng thời điểm đó chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông C2 được cấp giấy chứng nhận thì thành viên trong hộ không có ai. Sau này Nguyễn Tấn T1 mới về ở chung đến nay. Bản án sơ thẩm giải quyết đã đảm bảo quyền lợi cho bà do đó bà yêu cầu Tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Ngô Thị Thu V trình bày: Bà có chuyển nhượng một phần trong phần đất mà các bên đang tranh chấp. Bản án sơ thẩm giải quyết xong bà đồng ý. Đất của cha chồng nên bà không tranh chấp mà chỉ yêu cầu được công nhận phần đất bà đã chuyển nhượng như bản án sơ thẩm đã tuyên. Bà xác định, bà B đi nước ngoài từ nhiều năm trước, thỉnh thoảng có về Việt nam chơi. Nay bà B đã chết, nhưng người con ở nước ngoài cũng không về Việt Nam tranh chấp phần đất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với Kháng nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm Quan điểm của Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm xác định tài sản thừa kế là của ông C2 và công nhận di chúc của ông C2 là chưa đúng. Thứ nhất, các con ông C2 xác định phần đất là có từ khi bà B còn ở Việt Nam nên đây là tài sản chung của ông C2 và bà B, nên ông C2 không có quyền định đoạt toàn bộ diện tích đất mà chỉ định đoạt một phần, phần còn lại chia theo pháp luật. Thứ hai, bản án sơ thẩm còn chưa thu thập đầy đủ chứng cứ về nguồn gốc phần đất, đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng như ông Nguyễn Chí H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thành D3, bà Nguyễn Thị T3 là con của ông Nguyễn Văn C2 đang sinh sống tại nước ngoài và những người con của ông Nguyễn Chí Nghĩa L1 vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ có Quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm đúng quy định của pháp luật về quyền kháng nghị, thời hạn kháng nghị, hình thức, nội dung kháng nghị theo quy định của các điều 278, 279, 280 và 282 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc

thẩm xem xét yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T1 vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng và công nhận hiệu lực của di chúc là chưa đúng vì di sản là tài sản chung của ông C2 và bà B:

[2.1] Xét về hiệu lực của di chúc do ông Nguyễn Văn C2 lập ngày 10/7/2012, về nội dung và hình thức đã đảm bảo theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cho rằng đất cấp cho hộ ông C2 nên ông C2 không có quyền một mình tự định đoạt đối với toàn bộ tài sản nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét hồ sơ đăng ký đất đai của ông C2 về đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bút lục 129, Sổ mục kê cũng đất của ông C2 và S đăng ký ruộng đất cũng là cá nhân ông C2. Việc cơ quan Nhà nước cấp giấy cho hộ ông C2 là chưa phù hợp với nguồn gốc đất theo Sổ mục kê và Sổ đăng ký ruộng đất.

[2.2] Mặt khác, các con của ông C2 đều xác định phần đất là di sản thừa kế của ông C2 chứ không phải là đất cấp cho hộ gia đình ông C2. Đây cũng là chứng cứ không cần phải chứng minh. Còn đối với vợ ông C2 là bà Đỗ Thị B và một số người con của ông C2 gồm Nguyễn Chí H1, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thanh D2, Nguyễn Thị L được các đương sự xác định đã vượt biên từ sau năm 1975 đến năm 1977 đến nay không về Việt Nam. Do vậy, những người này đương nhiên không nằm trong thành viên hộ tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho ông C2 và cũng thuộc diện không được cấp quyền sử dụng đất. Căn cứ theo trích lục hộ khẩu năm 2011 của hộ ông Nguyễn Văn C2 gồm có Nguyễn Văn C2, Nguyễn Tấn T1, Nguyễn Thị Kim T2 sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Kim T3 sinh năm 1988. Thời điểm cấp giấy lần đầu ông C2 được cấp GCNQSD đất số 001015 diện tích 10.920m² ngày cấp 03/12/1991 thì Nguyễn Thị Kim T2 còn chưa sinh ra và Nguyễn Thị Kim T3 mới 03 tuổi chưa được cấp quyền sử dụng. Năm 2011, ông C2 được cấp giấy mới là do bị mất giấy cũ nên đã được làm thủ tục cấp giấy mới.

Đặc biệt, Nguyễn Tấn T1 là con ở chung nhà, chung hộ khẩu với ông C2 cũng đã xác định phần đất ông C2 chia theo di chúc lập ngày 10/7/2012 là tài sản của ông C2 và đồng ý chia theo di chúc, không có tranh chấp.

[2.3] Về phần bà B, dù xác định phần đất có từ khi bà B còn ở nhà, nhưng các đương sự đều khai khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C2 thì bà B đã vượt biên đi nước ngoài từ sau khi giải phóng miền N theo lời trình bày của các đương sự tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, bà B không có quyền sử dụng đối với phần đất mà ông C2 đang đứng tên nên không thể xác định phần đất tranh chấp là tài sản chung của ông C2 với bà B như quan điểm của Viện kiểm sát. Do đó, cấp sơ thẩm công nhận hiệu lực của di chúc mà ông C2 để lại là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng: Ông C2 có 09 người con, cấp sơ thẩm chỉ xác định đưa 04 người là Nguyễn Tấn T1, Nguyễn Tấn P, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị D4 vào tham gia tố tụng mà không đưa những người con đã vượt biên sang Úc gồm Nguyễn Chí H1, Nguyễn Thanh D2, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T3 và con của ông Nguyễn Chí N3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy, phần đất tranh chấp là tài sản riêng của ông C2, ông C2 đã lập di chúc cho bà H, bà D4, ông P là hợp pháp. Sau đó bà H ông P, bà D4 thống nhất chia một phần cho ông T1, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, cấp sơ thẩm xác định những người này tham gia tố tụng thừa kế theo di chúc và có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định. Ông H1, bà L, bà T3, ông D2 và các con ông N3 không liên quan đến di chúc nên cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[3] Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xác định được phần đất các đương sự yêu cầu chia thừa kế theo di chúc là của cá nhân ông C2. Do đó, ông C2 có quyền tự định đoạt đối với tài sản của mình, lập di chúc chia đất cho các con là hợp pháp. Bản án sơ thẩm đã giải quyết công nhận di chúc ông C2 lập để chia thừa kế theo di chúc là đúng quy định của pháp luật. Sau khi bản án đã tuyên, các đương sự trong vụ kiện đều thống nhất không ai kháng cáo.

[4] Xét thấy, Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKS-DS ngày 13/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền

lợi ích hợp pháp của các đương sự, vi phạm quyền tự định đoạt về tài sản của cá nhân nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKS-DS ngày 13/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 197/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 04/6/2026).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 2 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 2 - Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mạc Thị Chiên